

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết quy định chính sách khuyến khích phát triển nguồn nhân lực tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2026 - 2030

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15);

Xét báo cáo, đề nghị của Sở Nội vụ tại các Văn bản: số 5546/SNV-CCVC ngày 11/9/2026; số 5748/SNV-CCVC ngày 20/9/2026 và số 5774/SNV-CCVC ngày 21/9/2026 (sau khi có ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 473/BC-STP ngày 11/9/2026); thực hiện Kết luận số 110-KL/TU ngày 21/9/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị lần thứ 41; trên cơ sở biểu quyết thống nhất của Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Phiếu biểu quyết), Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ban hành Nghị quyết quy định chính sách khuyến khích phát triển nguồn nhân lực tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2026 - 2030, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

a) Chủ trương của Trung ương: Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân; Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

b) Chủ trương của tỉnh

- Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 20/10/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 16/4/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về nâng cao chất lượng cán bộ cơ sở tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2026 - 2030.

- Kế hoạch số 63-KH/TU ngày 16/4/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện nhiệm vụ đột phá “Tập trung phát triển, thu hút, trọng dụng nguồn nhân lực chất lượng cao; xây dựng đội ngũ cán bộ có năng lực thực tiễn, trình độ lý luận,

tư duy chiến lược, hành động quyết liệt, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển trong tình hình mới”.

- Kết luận số 74-KL/TU ngày 26/5/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh tại Hội nghị lần thứ 13, trong đó thống nhất chủ trương ban hành Đề án phát triển nguồn nhân lực tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2026 - 2030; Quyết định số 1634/QĐ-UBND ngày 23/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Đề án phát triển nguồn nhân lực tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2026 - 2030.

c) Quy định pháp luật

- Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 4 Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15: *“Căn cứ vào quy định của Chính phủ và định hướng phát triển ngành, lĩnh vực chiến lược, trọng tâm của quốc gia, địa phương, người đứng đầu Bộ, ngành, cơ quan trung ương hoặc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xác định ngành, lĩnh vực cần ưu tiên sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao trong từng giai đoạn và quyết định chính sách đối với đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này¹ thuộc phạm vi quản lý phù hợp với khả năng ngân sách và thẩm quyền quản lý cán bộ, công chức”*.

- Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị định số 171/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: *“Xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành Nghị quyết về chế độ, chính sách khuyến khích công chức không ngừng học tập, nâng cao trình độ, năng lực công tác; bố trí kinh phí bảo đảm thực hiện có hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng”*.

- Việc lồng ghép bình đẳng giới trong dự thảo được thực hiện trên cơ sở khoản 2 Điều 28 Luật Bình đẳng giới số 73/2006/QH11, theo đó Ủy ban nhân dân có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân ban hành hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật về bình đẳng giới theo thẩm quyền.

- Căn cứ thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành các chính sách quy định tại khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15; khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15.

2. Cơ sở thực tiễn

Giai đoạn 2026 - 2030, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, chuyển đổi số, nâng cao chất lượng dịch vụ công và thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp tiếp tục đặt ra nhu cầu nâng cao chất lượng, cơ cấu và khả năng đáp ứng

¹ Khoản 1, 2 Điều 4 Luật Cán bộ, công chức:

“1. Nhà nước có cơ chế đặc biệt để thu hút chuyên gia, nhà khoa học, luật gia, luật sư giỏi, doanh nhân tiêu biểu, xuất sắc, sinh viên tốt nghiệp xuất sắc và nguồn nhân lực chất lượng cao khác vào làm việc trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội; chính sách trọng dụng, đãi ngộ xứng đáng đối với người có tài năng trong hoạt động công vụ phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

2. Người có tài năng trong hoạt động công vụ là cán bộ, công chức có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có khát vọng cống hiến, phụng sự Tổ quốc và Nhân dân; có năng lực chuyên môn, kỹ năng vượt trội thể hiện qua giải quyết công việc; có tư duy đổi mới, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; đạt được những thành tích nổi bật trong hoạt động công vụ thể hiện bằng kết quả, sản phẩm cụ thể, mang lại giá trị, hiệu quả cao cho tổ chức, ngành, lĩnh vực trong phạm vi cả nước hoặc địa phương”.

của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Nhu cầu nhân lực không đồng đều giữa các ngành, lĩnh vực và địa bàn; một số chuyên ngành, vị trí việc làm còn khó tuyển dụng hoặc cần được đào tạo, bồi dưỡng để đáp ứng nhiệm vụ.

Qua rà soát nhu cầu của các cơ quan, đơn vị cho thấy, các nhóm nhân lực cần được quan tâm trọng tâm trong giai đoạn tới gồm:

- Nhân lực y tế cơ sở: nhu cầu đào tạo trình độ đại học (bác sĩ) và bồi dưỡng chuyên môn đối với viên chức là bác sĩ tại trạm y tế cấp xã; đồng thời cần hỗ trợ sau tuyển dụng/tiếp nhận để thu hút và giữ chân bác sĩ về công tác tại tuyến cơ sở, đặc biệt tại các trạm y tế và một số đơn vị chuyên khoa yêu cầu chuyên môn cao.

- Nhân lực công nghệ thông tin: nhu cầu đào tạo văn bằng thứ hai trình độ đại học nhóm ngành công nghệ thông tin đối với cán bộ, công chức các cơ quan, đơn vị, địa phương để đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và chính quyền số.

- Nhân lực trình độ cao tại một số cơ sở đào tạo và đơn vị sự nghiệp: nhu cầu đào tạo tiến sĩ, thạc sĩ và hỗ trợ sau tuyển dụng/tiếp nhận đối với các ngành Y - Dược, máy tính - công nghệ thông tin - trí tuệ nhân tạo, kỹ thuật, logistics, ngôn ngữ Trung Quốc, xây dựng, hóa môi trường tại Trường Đại học Hà Tĩnh, Trường Chính trị Trần Phú và các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành y tế, Sở Khoa học và Công nghệ.

- Một số lĩnh vực đặc thù khác (kiến trúc - quy hoạch, Hán Nôm, khảo cổ, bảo tàng, văn hóa - thể thao, du lịch) có nhu cầu bổ sung nhân lực trình độ đại học chất lượng cao.

Thực hiện các chính sách giai đoạn 2022 - 2025 (Nghị quyết số 46/2021/NQ-HĐND² và Nghị quyết số 71/2022/NQ-HĐND³), tỉnh đã hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng và hỗ trợ sau tuyển dụng, tiếp nhận đối với hàng trăm trường hợp, chủ yếu trong lĩnh vực y tế, góp phần nâng cao trình độ và bổ sung nhân lực; chưa thu hút được giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ theo chính sách. Qua rà soát kết quả thực hiện cho thấy, việc xây dựng, thực hiện chính sách trong giai đoạn tới cần được điều chỉnh theo hướng tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên các ngành, nhóm ngành và cơ quan, đơn vị có nhu cầu nhân lực thực tế, khó tuyển dụng hoặc có vai trò quan trọng đối với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đồng thời, hạn chế hỗ trợ dàn trải đối với các lĩnh vực có nguồn tuyển tương đối ổn định hoặc có khả năng đáp ứng nhu cầu nhân lực thông qua tuyển dụng, bố trí, điều động và sử dụng hiệu quả đội ngũ hiện có.

Từ thực tiễn trên, việc rà soát, cơ cấu lại chính sách theo hướng kế thừa những nội dung còn phù hợp, thu hẹp phạm vi đối tượng và tập trung vào các nhóm nhu cầu nêu trên là cơ sở để xây dựng chính sách khuyến khích phát triển nguồn nhân lực tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2026 - 2030.

² Nghị quyết số 46/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh quy định chính sách khuyến khích phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022-2025.

³ Nghị quyết số 71/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh về một số cơ chế, chính sách đối với công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Mục đích ban hành

a) Khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức nâng cao trình độ, năng lực theo vị trí việc làm và nhu cầu sử dụng; ưu tiên hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng đối với nhân lực y tế cơ sở, công nghệ thông tin ở cấp xã và một số cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập được xác định trọng tâm, đột phá chiến lược trong giai đoạn hiện nay.

b) Hỗ trợ sau tuyển dụng hoặc tiếp nhận đối với nhân lực có trình độ, năng lực thuộc ngành, nhóm ngành và đơn vị tính có nhu cầu; góp phần tuyển chọn, sử dụng và giữ chân nhân lực chất lượng cao.

c) Thường đối với người được cấp có thẩm quyền công nhận chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư hoặc tặng các danh hiệu, giải thưởng cao quý, nhằm khích lệ sự phấn đấu và ghi nhận cống hiến.

2. Quan điểm xây dựng

a) Bảo đảm đúng thẩm quyền, phù hợp với chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, khả năng cân đối ngân sách và điều kiện thực tế của tỉnh.

b) Chính sách có trọng tâm, không hỗ trợ dàn trải; đối tượng, ngành, nhóm ngành, trình độ và cơ quan, đơn vị được xác định cụ thể trong Phụ lục; không chi trùng cùng nội dung từ ngân sách nhà nước.

c) Gắn hỗ trợ với nhu cầu vị trí việc làm, kết quả công tác, thời gian cam kết phục vụ; quy định rõ trách nhiệm hoàn trả và thu hồi kinh phí.

d) Bảo đảm công khai, minh bạch, bình đẳng; có mức hỗ trợ bổ sung đối với nữ và người dân tộc thiểu số, được cộng dồn đối với người đồng thời thuộc cả hai trường hợp.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Ngày 02/4/2025, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xin chủ trương xây dựng Nghị quyết tại Tờ trình số 128/TTr-UBND và được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến tại Văn bản số 145/HĐND-PC ngày 14/4/2025. Theo đó, Sở Nội vụ được giao chủ trì, tham mưu soạn thảo; đã lấy ý kiến các đơn vị, địa phương tại Văn bản số 3875/SNV-CCVC ngày 16/8/2025; đề nghị đăng tải lên cổng thông tin điện tử tại Văn bản số 3906/SNV-CCVC ngày 18/8/2025 và trình Sở Tư pháp thẩm định tại Văn bản số 5352/SNV-CCVC ngày 24/10/2025. Ngày 13/11/2025, Sở Tư pháp ban hành Văn bản số 3344/STP-XDKT&TDTHPL không tiếp tục thẩm định đối với dự thảo Nghị quyết (căn cứ Văn bản số 8736/UBND-TH₂ ngày 08/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh nội dung đăng ký trình Kỳ họp thường lệ cuối năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVIII).

2. Thực hiện Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 30/3/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh:

- Sở Nội vụ xin ý kiến lần 2 về dự thảo Nghị quyết và đề nghị các sở, ngành đề xuất bổ sung các nội dung hỗ trợ liên quan đến nguồn nhân lực: cụ thể, tại Văn bản số 2089/SNV-CCVC ngày 16/4/2026 và tiếp tục hoàn thiện xin ý kiến của Sở Tài chính tại Văn bản số 2365/SNV-CCVC ngày 26/4/2026;

- Ngày 13/5/2026, Sở Nội vụ nhận được đề xuất của Sở Khoa học và Công nghệ về việc góp ý dự thảo Nghị quyết quy định chính sách khuyến khích phát triển nguồn nhân lực tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2026 - 2030 (lần 2) (tại Văn bản số 1221/KHCN-VP); ngay trong ngày, Sở Nội vụ tổ chức làm việc với các Sở: Khoa học và Công nghệ, Tài chính để rà soát dự thảo Nghị quyết; đồng thời gửi văn bản xin ý kiến Sở Tài chính (số 2712/SNV-CCVC);

- Sau khi tiếp thu, giải trình ý kiến của Sở Tài chính tại Văn bản số 3271/STC-QLN ngày 15/5/2026, Sở Nội vụ đã gửi Văn bản số 2759/SNV-CCVC ngày 15/5/2026 đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ tham gia ý kiến đối với dự thảo Nghị quyết. Tại Văn bản số 1247/KHCN-VP ngày 15/5/2026, Sở Khoa học và Công nghệ thống nhất với nội dung dự thảo. Trên cơ sở ý kiến tham gia của các cơ quan liên quan, Sở Nội vụ đã hoàn thiện dự thảo và hồ sơ kèm theo, gửi Sở Tư pháp thẩm định tại Văn bản số 2776/SNV-CCVC ngày 16/5/2026. Ngày 01/6/2026, Sở Tư pháp có Báo cáo số 244/BC-STP về thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định chính sách khuyến khích phát triển nguồn nhân lực tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2026 - 2030.

3. Thực hiện Văn bản số 523/HĐND ngày 24/6/2026 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh nội dung trình Kỳ họp thường lệ giữa năm 2026, theo đó Nghị quyết quy định chính sách khuyến khích phát triển nguồn nhân lực tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2026 - 2030 chưa trình Kỳ họp thường lệ giữa năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIX.

Sở Nội vụ tiếp tục nghiên cứu, bổ sung, cập nhật quy định và yêu cầu thực tiễn: cập nhật Nghị định số 259/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 300/2026/NĐ-CP ngày 29/7/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2025/NĐ-CP. Sở Nội vụ hoàn thiện lại nội dung dự thảo Nghị quyết, lấy ý kiến các sở, ban, ngành liên quan tại Văn bản số 4002/SNV-CCVC ngày 07/7/2026 và tổ chức hội nghị trực tiếp ngày 24/7/2026; tiếp tục xin ý kiến và đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương đăng ký nhu cầu tại Văn bản số 4558/SNV-CCVC ngày 30/7/2026; xin ý kiến Sở Tài chính về dự toán, mức hỗ trợ tại Văn bản số 4724/SNV-CCVC ngày 06/8/2026. Sở Tài chính đã có phản hồi tại Văn bản số 5843/STC-QLN ngày 13/8/2026; tổ chức hội nghị trực tiếp các Sở: Tư pháp, Tài chính; Khoa học và Công nghệ, Y tế, Nội vụ vào ngày 20/8/2026. Tiếp thu ý kiến của các cơ quan, đơn vị tại cuộc họp UBND tỉnh ngày 22/8/2026 và trình Sở Tư pháp thẩm định tại Văn bản số 5362/SNV-CCVC ngày 04/9/2026.

Ngày 11/9/2026, Sở Tư pháp có Báo cáo số 473/BC-STP về thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định chính sách khuyến khích phát triển nguồn nhân lực tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2026 - 2030.

Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Nội vụ đã nghiên cứu, tiếp

thu, giải trình và hoàn thiện dự thảo Nghị quyết; kết quả được tổng hợp tại Báo cáo số 198/BC-SNV ngày 11/9/2026 và trình UBND tỉnh dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách khuyến khích phát triển nguồn nhân lực tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2026 - 2030 tại Văn bản số 5546/SNV-CCVC ngày 11/9/2026; báo cáo bổ sung, giải trình tại Văn bản số 5748/SNV-CCVC ngày 20/9/2026 và Văn bản số 5774/SNV-CCVC ngày 21/9/2026.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của Nghị quyết

a) Phạm vi điều chỉnh

- Nghị quyết này quy định về đối tượng, điều kiện, nguyên tắc, nội dung, chính sách, quyền lợi, trách nhiệm, kinh phí thực hiện chính sách khuyến khích phát triển nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2026 - 2030;

- Quy định chế độ, chính sách khuyến khích công chức không ngừng học tập, nâng cao trình độ, năng lực công tác theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 171/2025/NĐ-CP quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức.

b) Đối tượng áp dụng

Cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Tĩnh; không áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;

Các cá nhân, cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan.

2. Bố cục của dự thảo văn bản

Dự thảo Nghị quyết gồm 11 điều, 32 khoản, 01 phụ lục, xây dựng, bổ sung trên cơ sở kế thừa chính sách giai đoạn 2022 - 2025 (Nghị quyết số 46/2021/NQ-HĐND; Nghị quyết số 71/2022/NQ-HĐND) quy định các điều, khoản, mức hỗ trợ cho phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và thực tiễn của tỉnh trong giai đoạn mới. Sửa đổi, hoàn thiện 09 điều, bổ sung 01 điều (Điều 2).

3. Nội dung cơ bản

a) Nội dung sửa đổi, bổ sung

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định về đối tượng, điều kiện, nguyên tắc, nội dung, chính sách, quyền lợi, trách nhiệm, kinh phí thực hiện chính sách khuyến khích phát triển nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2026 - 2030; quy định chế độ, chính sách khuyến khích công chức không ngừng học tập, nâng cao trình độ, năng lực công tác theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 171/2025/NĐ-CP quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức;

Đối tượng áp dụng: cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh (không áp dụng đối với cán bộ,

công chức, viên chức trong các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh); các cá nhân, cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện, cụ thể:

Bảo đảm thống nhất, đồng bộ trong tuyển dụng, sử dụng nguồn nhân lực; phù hợp với chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan, đúng đối tượng, thẩm quyền trong việc thực hiện chính sách.

Trường hợp một đối tượng đồng thời thuộc diện được hưởng nhiều chính sách hỗ trợ: có cùng nội dung hỗ trợ thì chỉ được hưởng một chính sách hỗ trợ cao nhất; nội dung hỗ trợ khác nhau thì được hưởng đồng thời theo quy định. Việc xác định căn cứ đóng, hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập cá nhân theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng

Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng: hỗ trợ đào tạo trình độ tiến sĩ đối với Trường Đại học Hà Tĩnh và Trường Chính trị Trần Phú; thạc sĩ đối với viên chức các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực y tế; đại học đối với viên chức tại trạm y tế cấp xã; đào tạo văn bằng thứ hai về công nghệ thông tin đối với cán bộ, công chức; bồi dưỡng chuyên môn đối với viên chức là bác sĩ tại trạm y tế cấp xã. Điều kiện gắn với thời gian công tác, kết quả xếp loại, độ tuổi, vị trí việc làm, cam kết tiếp tục phục vụ.

Mức hỗ trợ, đối tượng, đơn vị, ngành/nhóm ngành được quy định cụ thể tại Phần A Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết. Đối tượng là nữ được hưởng thêm 10%; người dân tộc thiểu số được hưởng thêm 10% đối với hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng (người đồng thời là nữ và là người dân tộc thiểu số được hưởng thêm 20%).

Hồ sơ hưởng chính sách: văn bản đề nghị của cơ quan sử dụng cán bộ, công chức, viên chức, kèm danh sách đối tượng và dự toán kinh phí; bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử có giá trị pháp lý các giấy tờ như quyết định cử đi đào tạo, bồi dưỡng; văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận hoàn thành; văn bản xác nhận thời gian công tác của cơ quan sử dụng cán bộ, công chức, viên chức; kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng trong 02 năm liên tục liền kề trước thời điểm được cử đi đào tạo, bồi dưỡng; bản cam kết thực hiện nghĩa vụ sau đào tạo.

Điều 4. Hỗ trợ sau tuyển dụng hoặc tiếp nhận

Hỗ trợ sau tuyển dụng hoặc tiếp nhận: hỗ trợ đối với người được tuyển dụng hoặc tiếp nhận hợp pháp, làm việc thực tế tại vị trí còn thiếu người, thuộc chỉ tiêu được giao, đúng ngành, nhóm ngành, trình độ và đơn vị quy định tại Phụ lục; cam kết làm việc liên tục trong phạm vi quản lý của tỉnh ít nhất 10 năm. Người thuộc diện hưởng chính sách theo Nghị định số 179/2024/NĐ-CP và các trường hợp luân chuyển, điều động, biệt phái, tiếp nhận nội bộ tỉnh không thuộc diện hỗ trợ này.

Mức hỗ trợ một lần thực hiện theo Phần B Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Hồ sơ đề nghị hỗ trợ, gồm: Văn bản đề nghị của cơ quan sử dụng người được tuyển dụng hoặc tiếp nhận, kèm theo danh sách đối tượng và dự toán kinh phí; bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử có giá trị pháp lý các giấy tờ sau: quyết định tuyển dụng hoặc tiếp nhận; văn bằng và tài liệu chứng minh xếp loại tốt nghiệp, chức danh, thành tích hoặc điều kiện hưởng mức hỗ trợ; bản cam kết làm việc ít nhất 10 năm (120 tháng).

Điều 5. Quy định về chính sách thưởng

Đối tượng được thưởng: người được bổ nhiệm chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư; được tặng danh hiệu Nhà giáo nhân dân, Thầy thuốc nhân dân, Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ nhân nhân dân, Nhà giáo ưu tú, Thầy thuốc ưu tú, Nghệ sĩ ưu tú, Nghệ nhân ưu tú; hoặc được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh, giải thưởng Nhà nước theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Mức thưởng thực hiện theo Phần C Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Hồ sơ đề nghị hưởng chính sách: Văn bản đề nghị của cơ quan sử dụng cán bộ, công chức, viên chức (đối tượng không là cán bộ, công chức, viên chức, Ủy ban nhân dân xã, phường nơi công dân cư trú gửi đề xuất), kèm theo danh sách đối tượng và dự toán kinh phí; bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử có giá trị pháp lý các giấy tờ: quyết định công nhận hoặc bổ nhiệm chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư của cơ quan có thẩm quyền; quyết định phong tặng danh hiệu Nhà giáo nhân dân, Thầy thuốc nhân dân, Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ nhân nhân dân, Nhà giáo ưu tú, Thầy thuốc ưu tú, Nghệ sĩ ưu tú, Nghệ nhân ưu tú; quyết định tặng giải thưởng Hồ Chí Minh, giải thưởng Nhà nước.

Điều 6. Quy định về quyền lợi và trách nhiệm

Quy định chi tiết về trách nhiệm, thời gian, mức hoàn trả đối với người hưởng chi phí hỗ trợ đào tạo và hỗ trợ sau tuyển dụng hoặc tiếp nhận.

Cơ quan sử dụng cán bộ, công chức, viên chức được hưởng chính sách có trách nhiệm xác định số tiền phải hoàn trả theo quy định, lập hồ sơ và quyết định thu hồi để nộp ngân sách nhà nước theo quy định. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi, người có trách nhiệm hoàn trả phải nộp đầy đủ số tiền vào cơ quan, tổ chức, đơn vị đã chi trả để nộp ngân sách nhà nước theo quy định. Trường hợp quá thời hạn nêu trên mà chưa nộp hoặc nộp không đầy đủ, cơ quan, tổ chức, đơn vị đã ban hành quyết định thu hồi có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện theo quy định của pháp luật.

Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11: dự thảo bổ sung, cập nhật các nội dung phù hợp với quy định hiện hành.

b) Nội dung bãi bỏ: không

c) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính: không

d) Nội dung phân quyền, phân cấp

Không quy định phân quyền, phân cấp, nhưng để thuận lợi trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết, dự thảo đã bổ sung các nội dung, hướng dẫn, quy định về trách nhiệm trong hồ sơ hỗ trợ chính sách, cụ thể:

- Hằng năm vào thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước, Sở Nội vụ chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tổng hợp nhu cầu đối tượng, kinh phí thực hiện của năm kế hoạch gửi Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí nguồn kinh phí thực hiện chính sách theo quy định;

- Định kỳ trước ngày 10 của tháng đầu quý I, quý II, quý III và quý IV hằng năm, cơ quan sử dụng cán bộ, công chức, viên chức lập hồ sơ quy định tại Nghị quyết này, gửi Sở Nội vụ;

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của cơ quan trình, Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính thẩm định đối tượng, kinh phí thực hiện, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt danh sách đối tượng và kinh phí thực hiện. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết chính sách, Sở Nội vụ có văn bản trả lời cơ quan, đơn vị đề nghị và nêu rõ lý do;

- Căn cứ Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh và dự toán được cấp có thẩm quyền giao, Sở Tài chính tham mưu bố trí kinh phí theo quy định; trường hợp vượt dự toán, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; các cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng theo quy định, tổ chức chi trả cho các đối tượng chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày được cấp kinh phí.

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO VĂN BẢN GỬI THẨM ĐỊNH

1. Làm rõ điều kiện riêng đối với cán bộ, công chức và viên chức; viện dẫn chính xác đến mục, phần của Phụ lục; bổ sung đầy đủ yêu cầu về ngành, nhóm ngành, đối tượng, trình độ, cơ quan, đơn vị và điều kiện.

2. Quy định cụ thể hình thức từng thành phần hồ sơ; bổ sung tài liệu chứng minh thời gian công tác, kết quả xếp loại; thống nhất chỉ sử dụng bản cam kết; xác định cơ quan sử dụng cán bộ, công chức hoặc cơ quan quản lý viên chức là chủ thể lập, gửi hồ sơ.

3. Chuyển mức hỗ trợ bổ sung đối với nữ về điều quy định mức hỗ trợ; bổ sung người dân tộc thiểu số; làm rõ nguyên tắc cộng dồn 20% đối với nữ là người dân tộc thiểu số.

4. Bổ sung chính sách thưởng cho người được bổ nhiệm chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư; được tặng danh hiệu Nhà giáo nhân dân, Thầy thuốc nhân dân, Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ nhân nhân dân, Nhà giáo ưu tú, Thầy thuốc ưu tú, Nghệ sĩ ưu tú, Nghệ nhân ưu tú; hoặc được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh, giải thưởng Nhà nước theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

5. Rà soát thể thức, kỹ thuật viện dẫn và trình bày dự thảo Nghị quyết; cơ cấu lại Tờ trình theo Mẫu số 02 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

VI. NGUỒN LỰC, THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA

1. Tổng kinh phí dự kiến thực hiện các chính sách trong giai đoạn 2026 - 2030 là 40.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi tỷ đồng - có phụ lục kèm theo), được bố trí từ ngân sách cấp tỉnh và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

2. Dự thảo Nghị quyết dự kiến trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua kỳ họp chuyên đề tháng 9, năm 2026 theo chương trình công tác được cấp có thẩm quyền quyết định.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

(Kèm theo các văn bản: Dự thảo Nghị quyết; văn bản thẩm định của Sở Tư pháp; so sánh, thuyết minh dự thảo Nghị quyết quy định chính sách khuyến khích phát triển nguồn nhân lực tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2026 - 2030 với Nghị quyết giai đoạn 2022 - 2025; tổng hợp và giải trình tiếp thu ý kiến và các tài liệu khác có liên quan)./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các Sở: Nội vụ, Tài chính, Tư pháp;
- Chánh VP, các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm TT&XT, HTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TH, NC₄.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Trọng Hiếu